HÌNH PHẠT TƯỚC MỘT SỐ QUYỀN CÔNG DÂN TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM

*Trịnh Quốc Toản**

1. Vài nét về sự tiến triển của hình phạt

Trong lịch sử phát triển của chế định hình phạt bổ sung (HPBS) trong Luật hình sự (LHS) Việt Nam, hình phạt tước một số quyền công dân được Nhà nước quan tâm và thiết lập từ rất sớm.

Trước Cách mạng Tháng Tám, hình phạt này được gọi là truất quyền công dân, được quy định tại Điều 34 BLHS canh cải (code pénal condifié) mà nội dung của nó là truất quyền không cho tội nhân được giữ những chức vụ trong các công sở, truất quyền công dân và chính trị, truất quyền làm chứng, làm giám định viên, làm thủ bộ hay thành viên hội đồng gia tộc, truất quyền hành nghề giáo sư, quyền mang huy chương, quyền phục vụ trong quân đội.

Sau Cách mạng Tháng Tám, trong nhiều văn bản pháp luật hình sự (PLHS) cũng có quy định hình phạt này là hình phạt phụ với các tên gọi khác nhau như "mất quyền công dân", "tước một số quyền công dân", "tước những quyền lợi của công dân" để áp dụng đối với công dân Việt Nam phạm các tội xâm phạm an ninh quốc gia (ANQG) hoặc một số tội phạm khác.

Văn bản PLHS đầu tiên của Nhà nước Dân chủ nhân dân quy định hình phạt này là Sắc lệnh số 106/SL ngày 5/6/1950 về tội trốn tránh nghĩa vụ tòng quân. Điều 2 của Sắc lệnh quy định những người không tuân hay chậm trễ tuân lệnh tòng quân, những người tự huỷ hoại thân thể hoặc dùng những mưu chước gian dối để được hoãn tòng quân sẽ bị phạt tù từ 1 năm đến 5 năm và có thể bị tước tất cả quyền công dân.

Đến năm 1953, căn cứ vào tình hình và nhiệm vụ mới, dựa trên việc sơ kết rút kinh nghiệm đấu tranh với bọn phản cách mạng của các cơ quan chuyên chính, Nhà nước ta ra Sắc lệnh số 133 ngày 20/01/1953 về trừng trị các loại Việt gian, phản động và xét xử những âm mưu và hành động phản quốc. Trong đó, Điều 15 quy định kẻ nào phạm một trong những tội phản cách mạng được quy định trong Sắc lệnh này, thì ngoài hình phạt chính (HPC) như tù có thời hạn, tù chung thân hoặc tử hình, sẽ bị mất quyền công dân và sẽ bị tịch thu một phần hay tất cả tài sản.

Vào những năm cuối của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Nhà nước ta ban hành các Sắc lệnh số 149-SL, 150-SL và 151-SL ngày 12/4/1953 về chính sách ruộng đất trong đó quy định về hình phạt tước một số quyền công dân. Ngày 11/5/1953, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 264-TTg ngày 1/5/1953 quy định chi tiết thi hành các Sắc lệnh trên. Điều 5 của Nghị định này quy định những hành động phạm pháp của địa chủ, việt gian, cường hào gian ác chống đối pháp luật trong khi và ở những nơi phát động quần chúng tham gia cải cách ruộng đất nếu bị kết án phạt tù hoặc quản chế thì trong thời gian đó cũng bị mất quyền công dân, nếu bị phạt tù từ 10 năm trở lên thì bị mất quyền công dân suốt đời, nếu bị phạt tù dưới 10 năm thì sau khi mãn hạn tù sẽ mất quyền công dân trong thời gian bằng thời gian bị tù.

Theo Điều 6 Sắc luật số 175 ngày 18/06/1953 về hình phạt quản chế, thì người bị quản chế phải chịu một số kỷ luật quản chế nhất định và bị mất quyền công dân trong thời gian quản chế.

Sắc lệnh số 267/SL ngày 15/06/1956 được ban hành nhằm trừng trị những âm mưu, hành động phá hoại làm thiệt hại đến tài sản của Nhà nước, của hợp tác xã và của nhân

* Thạc sỹ Luật học, Khoa Luật, Đại học Quốc gia HN

dân, cản trở việc thực hiện chính sách, kế hoạch xây dựng kinh tế và văn hóa. Điều 9 của Sắc lệnh quy định: "Kẻ nào phạm những tội ở Điều 7 và Điều 8 thì, ngoài những hình phạt kể trên, còn phải bồi thường thiệt hại, có thể bị tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản và có thể bị tước một số quyền công dân".

Trong Nghị quyết số 49-NQ/TVQH ngày 20/6/1961 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (UBTVQH) về việc tập trung giáo dục cải tạo những phần tử có hành động nguy hại cho xã hội có quy định những người được giáo dục cải tạo không bị coi như phạm nhân có án phạt tù, nhưng trong thời gian cải tạo không được hưởng quyền công dân, tức là bị tước một số quyền công dân.

Do các văn bản PLHS trên đây không quy định thống nhất về nội dung và thời hạn của hình phạt tước một số quyền công dân nên trong thực tiễn xét xử các Toà án áp dụng không thống nhất hình phạt này. Có Toà án không tuyên phạt tước một số quyền công dân đối với người phạm tội phản cách mạng với ý thức cho là đương nhiên họ phải chịu hình phạt này. Có Toà án thì lại quên không tuyên. Có Toà án lại tuyên phạt với thời hạn quá dài hoặc phạt vĩnh viễn...Do vậy, Thông tư số 8-NCPL ngày 15/12/1966 của Toà án nhân dân tối cao (TANDTC) về tước một số quyền công dân hướng dẫn là người bị áp dụng hình phạt này bị tước các quyền như: quyền bầu cử và quyền ứng cử; quyền được tuyển dụng vào xí nghiệp, cơ quan nhà nước, vào một số tổ chức dân lập (như giáo viên dân lập, y tá dân lập); quyền đảm nhiệm cương vị lãnh đạo trong các tổ chức xã hội, đoàn thể quần chúng hoặc đơn vị sản xuất; quyền tự do ngôn luận và tự do báo chí. Thông tư này đã quy định thống nhất thời hạn bị tước một số quyền công dân là từ 1 đến 5 năm.

Pháp lệnh Trừng trị các tội phản cách mạng ngày 30/10/1967 của UBTVQH lần đầu tiên đã quy định rõ ràng nội dung, phạm vi áp dụng và thời hạn của hình phạt tước một số quyền công dân đối với người phạm tội phản cách mạng với tư cách là hình phạt phụ. Điều 18 đã quy định người phạm một trong những tội nêu từ Điều 3 đến Điều 16 của Pháp lệnh này thì ngoài hình phạt chính (HPC) đã ghi trong điều luật còn bị tước từ 2 năm đến 5 năm những quyền lợi của công dân như sau: Quyền bầu cử và ứng cử; Quyền làm việc trong biên chế Nhà nước và trong các tổ chức của lực lượng vũ trang nhân dân; Quyền đảm nhiệm cương vị phụ trách trong các tổ chức chính trị, kinh tế, văn hoá và xã hội.

Trong Báo cáo về Pháp lệnh Trừng trị các tội phản cách mạng trước Hội nghị tổng kết công tác toàn ngành Toà án năm 1967, TANDTC đã hướng dẫn tước một số quyền công dân là tước cả khối những quyền đã ghi trong Pháp lệnh. Đây là những quyền lợi cơ bản nhất cần tước từ 2 năm đến 5 năm để ngăn ngừa những hoạt động phạm pháp mới của những tên đã bị xét xử về tội phản cách mạng[1]. Báo cáo tổng kết công tác năm 1973 của TANDTC đã nhấn mạnh hình phạt tước một số quyền công dân là có tính chất bắt buộc áp dụng đối với các tội phản cách mạng. Hình phạt này là một khối thống nhất không thể tách rời với các HPC được quy định từ Điều 3 đến Điều 16 nhằm ngăn ngừa những hoạt động phạm pháp mới của những người đã bị xét xử về tội phản cách mạng. Đó là thể hiện tính chất triệt để, tinh thần kiên quyết trấn áp và chủ động phòng ngừa trong công tác đấu tranh chống phản cách mạng[2].

Trong Thông tư số 84/NCPL ngày 15/2/1975 về việc tước quyền bầu cử, ứng cử TANDTC hướng dẫn là tất cả những kẻ phạm các tội phản cách mạng và cũng chỉ những kẻ phạm các tội đó, dù là các tội nêu ở các điều từ 3 đến 16 quy định trong Pháp lệnh ngày 31/10/1967 hoặc các tội tương tự, không kể là bị phạt tù giam hoặc tù án treo, đều phải chịu thêm hình phạt phụ tước một số quyền lợi của công dân (trong đó có quyền bầu cử, ứng cử) từ 2 năm đến 5 năm mà Toà án phải tuyên rõ trong bản án. Thời gian tước quyền bắt đầu tính từ sau khi mãn hạn tù hoặc từ sau khi được giảm án tha tù

[1] Xem TANDTC, Hệ thống hoá luật lệ hình sự (1945-1974), T. 1, 1976, tr. 61.
[2] Xem TANDTC, Hệ thống hoá luật lệ hình sự (1945-1974), Tài liệu đã dẫn, tr. 62.

trước hạn. Đối với án treo thì thời gian bị tước ngang với thời gian thử thách[3].

Sau khi miền Nam được giải phóng, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam ban hành Sắc luật số 03 SL/76, ngày 15/03/1976, quy định các tội phạm và hình phạt. Sắc luật này trừng trị các tội phản cách mạng, các tội xâm phạm tài sản công cộng, các tội xâm phạm thân thể, nhân phẩm, sức khỏe, tài sản riêng của công dân, các tội kinh tế (đầu cơ, tích trữ, phá rối thị trường, làm hàng giả...), các tội chức vụ, hối lộ, các tội xâm phạm trật tự, an toàn công cộng. Điều 11 của Sắc luật quy định: "Phạm tội phản cách mạng thì ngoài những hình phạt được quy định ở Điều 3 trên còn bị tước quyền bầu cử, ứng cử từ 2 năm đến 5 năm...".

Trước đây, do những nguyên nhân khác nhau, Nhà nước ta chưa có điều kiện pháp điển hoá LHS để quy định toàn diện và thống nhất những vấn đề về tội phạm và hình phạt cũng như các vấn đề khác có liên quan tới TNHS. Tất cả các văn bản PLHS trước đây đều là những văn bản đơn hành (sắc luật, sắc lệnh, pháp lệnh, thậm chí cả văn bản của Chính phủ như nghị định, thông tư...), mỗi văn bản chỉ quy định một vấn đề riêng biệt. Trong nhiều trường hợp, có những quy định về tội phạm và hình phạt trong đó có hình phạt tước một số quyền công dân lại chứa đựng, thể hiện trong các văn bản quy phạm hành chính. Do thực trạng như vậy, nên PLHS thiếu đồng bộ và thống nhất, có nhiều chỗ hổng, và bắt buộc phải cho phép áp dụng nguyên tắc tương tự, dẫn đến lấy chính sách, chỉ thị của Đảng, lấy kinh nghiệm xét xử của Tòa án (án lệ) để thay thế cho những lỗ hổng của pháp luật. Với việc ban hành BLHS năm 1985, những nhược điểm trên đã được khắc phục về cơ bản.

Liên quan tới hình phạt tước một số quyền công dân, Điều 31 BLHS 1985 đã quy định: "Công dân Việt Nam phạm các tội đặc biệt nguy hiểm xâm phạm ANQG hoặc phạm các tội khác trong những trường hợp Bộ luật này quy định, thì bị tước hoặc có thể bị tước một số quyền công dân dưới đây:

- Quyền bầu cử đại biểu các cơ quan quyền lực Nhà nước;
- Quyền làm việc trong các cơ quan Nhà nước và quyền phục vụ trong lực lượng vũ trang nhân dân;
- Quyền đảm nhiệm cương vị phụ trách trong các tổ chức xã hội.

Thời hạn tước một số quyền công dân là từ 01 năm đến 05 năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù hoặc kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu là HPC khác hoặc trong trường hợp người bị kết án được hưởng án treo".

Trên cơ sở các quy định chung về hình phạt tước một số quyền công dân nêu trên, nhà làm luật đã quy định có tính chất bắt buộc áp dụng hình phạt này đối với 16 tội đặc biệt nguy hiểm xâm phạm ANQG ở mục A và quy định tuỳ nghi áp dụng với 35 tội khác xâm phạm ANQG ở mục B chương 1 Phần các tội phạm BLHS.

Yêu cầu đổi mới mọi mặt đời sống đất nước đặt ra nhiệm vụ xem xét để sửa đổi, bổ sung BLHS năm 1985 - Bộ luật của thời kỳ tập trung quan liêu bao cấp- một cách cơ bản, toàn diện nhằm kịp thời thể chế hoá chính sách hình sự (CSHS) của Đảng và Nhà nước ta trong giai đoạn cách mạng mới, bảo đảm hiệu quả cao của công tác phòng chống tội phạm, góp phần phục vụ công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc trong điều kiện đổi mới và hội nhập. Việc Quốc hội chính thức thông qua BLHS năm 1999 đã đáp ứng được yêu cầu nêu trên.

BLHS mới ra đời là một kết quả của sự kế thừa cả một hệ thống các nguyên tắc, các chế định đã qua thực tế áp dụng kiểm nghiệm của BLHS năm 1985, đồng thời có sự bổ sung, sửa đổi nâng cao và phát triển.

Về hình phạt tước một số quyền công dân Điều 39 BLHS năm 1999 quy định: "Công dân Việt Nam bị kết án phạt tù về tội xâm phạm ANQG hoặc tội phạm khác trong những trường hợp do Bộ luật này quy định, thì bị tước một hoặc một số quyền công dân sau:

[3] Xem TANDTC, Hệ thống hoá luật lệ hình sự (1945-1974), Tài liệu đã dẫn, tr. 65.

a) Quyền ứng cử, quyền bầu cử đại biểu cơ quan quyền lực Nhà nước;

b) Quyền làm việc trong các cơ quan Nhà nước và quyền phục vụ trong lực lượng vũ trang nhân dân".

Thời hạn tước một số quyền công dân là từ một năm đến năm năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù hoặc kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật trong trường hợp người bị kết án được hưởng án treo".

So sánh với BLHS năm 1985 cho thấy những quy định về hình phạt tước một số quyền công dân trong BLHS năm 1999 có những điểm mới quan trọng sau:

Thứ nhất, về kỹ thuật lập pháp nhà làm luật đã xây dựng điều luật chặt chẽ hơn, cụ thể Điều 31 BLHS năm 1985 quy định:"...thì bị tước... *một số* quyền công dân dưới đây...". Như vậy, theo lời văn trên rõ ràng là khi áp dụng hình phạt này với người phạm tội thì trong mọi trường hợp, Toà án buộc phải quyết định tước của người bị kết án chí ít là 2 quyền công dân trở lên, Quy định như vậy là không chính xác, vì trong thực tiễn xét xử tuỳ vào từng trường hợp cụ thể Toà án có thể tước một hoặc nhiều quyền công dân của người bị kết án. Chính vì lẽ đó Điều 39 BLHS 1999 sửa đổi lại là: "*...thì bị tước một hoặc một số quyền công dân*".

Thứ hai, khoản 1 Điều 39 BLHS đã quy định bổ sung thêm việc *"tước quyền ứng cử đại biểu các cơ quan quyền lực Nhà nước"*, đồng thời đưa ra khỏi danh mục nội dung các quyền bị tước *"quyền đảm nhiệm cương vị phụ trách trong các tổ chức xã hội"* đối với hình phạt tước một số quyền công dân.

Việc loại bỏ nội dung *"tước quyền đảm nhiệm cương vị phụ trách trong các tổ chức xã hội"* là vì việc tước bỏ quyền chính trị này không có ý nghĩa phòng ngừa tội phạm; bởi lẽ, tổ chức xã hội có thể là một tổ chức có quy mô rộng lớn, được tổ chức chặt chẽ nhưng cũng có thể là một tổ chức mang tính chất nghề nghiệp, tôn giáo với quy mô nhỏ. Thêm nữa, hoạt động sinh hoạt của cá nhân trong các tổ chức này có ý nghĩa giáo dục cải tạo sâu sắc và có thể còn tăng khả năng tự giáo dục cải tạo của người bị kết án sau khi mãn hạn tù, tạo điều kiện xã hội cho việc tái hoà nhập cộng đồng của họ. Đồng thời điều này cũng thể hiện rõ hơn xu hướng dân chủ hóa xã hội Việt Nam trong giai đoạn xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN.

Thứ ba, Điều 39 BLHS đã thu hẹp đối tượng bị áp dụng hình phạt tước một số quyền công dân. Theo lời văn của Điều 31 BLHS năm 1985, hình phạt này được áp dụng kèm theo mọi HPC, nhưng nay theo điều luật mới thì nó chỉ có thể áp dụng với người bị phạt tù có thời hạn, bao gồm cả những người bị phạt tù nhưng cho hưởng án treo.

2. Vai trò, nội dung, điều kiện của hình phạt tước một số quyền công dân

2.1. Tước một số quyền công dân là hình phạt bổ sung (HPBS) được Toà án áp dụng đối với người mang quốc tịch Việt Nam bị kết án phạt tù có thời hạn về tội xâm phạm ANQG hoặc tội phạm khác trong những trường hợp do BLHS quy định với nội dung là tước bỏ một hoặc một số quyền công dân quan trọng của người đó trong thời hạn từ một năm đến năm năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù hoặc kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật trong trường hợp người bị kết án được hưởng án treo.

Tước một số quyền công dân là một hình phạt mang tính chất chính trị, không cho người bị kết án hưởng một số quyền chính trị của công dân trong một thời gian nhất định với mục đích ngăn ngừa họ lợi dụng các quyền đó để gây thiệt hại cho lợi ích của Nhà nước và xã hội.

Quyền công dân là cơ sở chủ yếu để xác định địa vị pháp lý của công dân, là cơ sở cho mọi quyền và nghĩa vụ cụ thể của công dân. Quyền công dân là những quyền mà Nhà nước trao cho cá nhân mang quốc tịch nước mình. Hiến pháp 1992 quy định rất nhiều quyền của công dân về các lĩnh vực chính trị, dân sự, kinh tế, xã hội như: Quyền bầu cử, ứng cử vào cơ quan quyền lực Nhà nước, quyền tham gia quản lý Nhà nước, quản lý xã hội, quyền tự do kinh doanh, tự do lao động, tự do ngôn luận, tự do lập hội, quyền bất khả xâm phạm về thân thể, chỗ ở, quyền tự do khiếu nại, tố cáo...Nhưng hình

phạt tước một số quyền công dân chỉ tước bỏ một hoặc một số quyền về chính trị cơ bản của người phạm tội.

Lịch sử tiến triển của loại hình phạt này cho thấy nội dung của nó trong mỗi giai đoạn lịch sử cũng có những thay đổi đáng kể.

Theo Thông tư số 8-NCPL ngày 15/12/1966 của TANDTC đã nêu trên, thì người bị áp dụng hình phạt tước một số quyền công dân thường bị tước các quyền như: quyền bầu cử và quyền ứng cử; quyền được tuyển dụng vào xí nghiệp cơ quan Nhà nước, vào một số tổ chức dân lập (như giáo viên dân lập, y tá dân lập); quyền đảm nhiệm cương vị lãnh đạo trong các tổ chức xã hội, đoàn thể quần chúng hoặc đơn vị sản xuất; quyền tự do ngôn luận và tự do báo chí. Khi có BLHS năm 1985 thì Điều 31 của Bộ luật này đã thu hẹp phạm vi các quyền công dân bị tước, người bị kết án về hình phạt này chỉ bị tước quyền bầu cử đại biểu vào cơ quan quyền lực nhà nước, quyền làm việc trong các cơ quan nhà nước và phục vụ trong lực lượng vũ trang, quyền đảm nhiệm cương vị phụ trách trong các tổ chức xã hội. Đến khi BLHS năm 1985 được thay thế bằng BLHS năm 1999 thì các quyền công dân bị tước theo quy định tại Điều 39 chỉ còn là các quyền ứng cử, quyền bầu cử đại biểu vào cơ quan quyền lực nhà nước, quyền làm việc trong các cơ quan nhà nước và quyền phục vụ trong lực lượng vũ trang nhân dân.

2.2. Nội dung của hình phạt tước một số quyền công dân được thể hiện như sau:

- Tước quyền ứng cử, quyền bầu cử đại biểu cơ quan quyền lực Nhà nước, tức là việc Toà án cấm người bị kết án ứng cử và bầu cử đại biểu Quốc Hội và Hội đồng nhân dân các cấp, bởi vì theo quy định tại Điều 83 và Điều 119 Hiến pháp 1992, thì cơ quan quyền lực nhà nước là Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp. .

- Tước quyền làm việc trong các cơ quan Nhà nước, tức là Toà án cấm người bị kết án thi tuyển vào làm việc trong bất cứ cơ quan nhà nước nào từ trung ương đến địa phương, họ không được trở thành cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan Nhà nước, bao gồm cơ quan quyền lực nhà nước, cơ quan tư pháp, cơ quan hành pháp. Họ không được tham gia làm việc trong các cơ quan này ở dưới bất kỳ hình thức nào (cán bộ, công chức, nhân viên hợp đồng...).

- Tước quyền phục vụ trong lực lượng vũ trang nhân dân, tức là Toà án cấm người bị kết án làm việc trong các đơn vị thuộc Bộ Công an và Bộ Quốc phòng.

2.3. Trên cơ sở các quy định tại Điều 39 BLHS, có thể rút ra những điều kiện áp dụng hình phạt này như sau:

- Hình phạt tước một số quyền công dân chỉ được áp dụng đối với công dân Việt Nam từ đủ 18 tuổi trở lên. Nó không được áp dụng đối với người nước ngoài, người không quốc tịch và cũng không được áp dụng đối với người chưa thành niên;

- Hình phạt tước một số quyền công dân chỉ được áp dụng đối với người bị kết án phạt tù có thời hạn về một trong những tội xâm phạm ANQG (từ Điều 78 đến Điều 91) hoặc một số tội khác trong những trường hợp điều luật về tội phạm có quy định.

Theo Điều 92 BLHS, hình phạt tước một số quyền công dân được tuỳ nghi áp dụng đối với các tội xâm phạm ANQG, nên khi quyết định hình phạt, TAND cần phải cân nhắc kỹ tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và yêu cầu của phòng ngừa tái phạm. Nhìn chung, hình phạt này chỉ áp dụng đối với người bị kết án nếu có nguy cơ người đó sẽ sử dụng các quyền chính trị của mình, bao gồm các quyền quy định tại Điều 39 BLHS để tiếp tục phạm tội.

Ngoài các tội xâm phạm ANQG, Điều 39 BLHS năm 1999 có quy định hình phạt này còn được áp dụng đối với các tội phạm khác, tức là các tội hình sự thường, nhưng khi nghiên cứu Phần các tội phạm của BLHS cho thấy không có trường hợp phạm tội nào khác bị quy định áp dụng hoặc có thể bị áp dụng hình phạt này. Theo nguyên tắc pháp chế về hình phạt "Nulla poena singe lege", tất cả những trường hợp bị tuyên phạt về loại HPC nào, mức án là bao nhiêu về một trong các tội phạm được quy định trong các chương khác ở Phần các tội phạm BLHS đều không

được phép áp dụng kèm theo hình phạt tước một số quyền công dân với tính chất là một loại HPBS.

Tuy nhiên, nghiên cứu nội dung hình phạt quản chế cho thấy Điều 36 BLHS có quy định: "...Trong thời gian quản chế người bị kết án không được ra khỏi nơi cư trú, *bị tước một số quyền công dân theo Điều 39 của Bộ luật này* và bị cấm hành nghề hoặc công việc nhất định". Như vậy, ngoài các tội xâm phạm ANQG, những người bị kết án phạt tù có thời hạn về các tội phạm khác mà bị Toà án phạt quản chế kèm theo thì đương nhiên bị tước một số quyền công dân được quy định tại Điều 39 trong thời gian quản chế. Việc tước một số quyền công dân này, như TANDTC đã khẳng định, "là một trong những nội dung quan trọng của quản chế" [4] chứ không phải với tư cách là một HPBS.

3. Nghiên cứu so sánh với Luật Hình sự một số nước

Nghiên cứu so sánh chế định HPBS trong LHS Việt Nam với LHS một số nước cho thấy tước một số quyền công dân là một loại hình phạt được quy định có tính phổ biến. Tuy nhiên về tính chất, nội dung, điều kiện, phạm vi áp dụng của loại hình phạt này cũng có sự quy định khác nhau tuỳ thuộc vào LHS của từng nước.

3.1. Trong BLHS của Đức có quy định biện pháp mất quyền làm công chức, quyền lựa chọn (biểu quyết) và quyền bầu cử tại Điều 45 BLHS, nhưng nó lại chỉ được ghi nhận là hậu quả phụ (Nebenfolge) chứ không phải là HPBS.

Theo Điều luật này, thì người phạm tội nghiêm trọng[5] mà bị Toà án phạt tù từ một năm trở lên thì đương nhiên bị mất quyền làm công chức, quyền được bầu cử trong thời hạn là 5 năm. Trong những trường hợp luật có quy định riêng, Toà án cũng có thể tuyên tước các quyền nêu trên của người bị kết án trong thời hạn từ 2 năm đến 5 năm.

Điều 45 BLHS cũng quy định rõ với việc bị mất quyền làm công chức, người bị kết án đồng thời cũng bị mất vị trí pháp lý tương ứng và các quyền mà họ có, liên quan tới quyền làm công chức bị tước (khoản 3). Còn với việc bị mất quyền bầu cử, người bị kết án đồng thời cũng bị mất vị trí pháp lý tương ứng và các quyền mà họ có, liên quan tới quyền bầu cử bị tước chừng nào luật không có quy định khác (khoản 4).

Toà án cũng có thể tuyên tước quyền lựa chọn, quyền biểu quyết của người bị kết án trong thời hạn từ 2 năm đến 5 năm trong những trường hợp luật có quy định riêng (khoản 5).

Nghiên cứu Phần các tội phạm của BLHS Đức cho thấy Toà án có thể tuyên tước quyền làm công chức, quyền bầu cử, quyền lựa chọn, quyền biểu quyết trong thời hạn từ 2 năm đến 5 năm đối với những trường hợp bị phạt tù ít nhất là 6 tháng về một trong các tội phản bội hoà bình, phản bội tổ quốc, đe dọa Nhà nước pháp quyền dân chủ (Điều 92 a), đe dọa an ninh đối ngoại (Điều 101). Điều 109i BLHS quy định Toà án cũng có thể tước các quyền nói trên của người bị kết án về một trong những tội chống lại lực lượng quốc phòng (Điều 109e, 109f) mà bị phạt tù từ một năm trở lên. Thời hạn tước các quyền đó cũng là từ 2 năm đến 5 năm.

Đối với trường hợp phạm một trong những tội chống lại các cơ quan hiến pháp, chống lại chế độ bầu cử (các Điều 107, 107a, 108, 108b) mà bị phạt tù từ 6 tháng trở lên thì Toà án có thể tước quyền bầu cử, quyền lựa chọn, quyền biểu quyết của họ trong thời hạn từ 2 năm đến 5 năm (Điều 108c).

Theo Điều 45a, việc mất các quyền có hiệu lực trong khi bản án đã thành nhất định. Thời hạn của sự mất quyền này bắt đầu từ ngày thi hành xong hình phạt tù.

Khác với LHS nước ta, Điều 45b BLHS của Đức quy định Toà án có thể phục hồi lại các quyền trên cho người bị kết án, nếu họ đã thi hành biện pháp này được một nửa thời hạn

---

[4] Xem Thông tư số 84-NCLP ngày 15/2/1975 của TANDTC về việc tước quyền bầu cử, ứng cử trong Hệ thống hoá luật lệ hình sự (1945-1974) của TANDTC, T. 1, 1976, tr. 65;

[5] Tội nghiêm trọng (Verbrechen) là loại tội phạm bị đe dọa phải chịu hình phạt tù từ một năm trở lên (khoản 1 Điều 12 BLHS).

và chứng tỏ rằng trong tương lai sẽ không phạm tội mới do cố ý nữa.

3.2. BLHS năm 1997 của Trung Quốc có quy định hình phạt tước quyền lợi về chính trị, tức là quyền tham gia hoạt động chính trị và quản lý đất nước của người bị kết án. Mất các quyền chính trị là mất quyền làm công chức, quyền bầu cử, quyền ứng cử, quyền tự do ngôn luận, báo chí, hội họp, lập hội, diễu hành và biểu tình, quyền giữ chức vụ trong bộ máy nhà nước, quyền giữ chức vụ lãnh đạo trong công ty, xí nghiệp, các tổ chức xã hội (Điều 53 BLHS). Hình phạt này có thể được áp dụng độc lập như là HPC, nhưng nó cũng được quy định là HPBS. Tước quyền về chính trị có thể được áp dụng bắt buộc hoặc tuỳ nghi tuỳ thuộc vào Điều luật về tội phạm quy định. Ví dụ, đối với các tội xâm phạm ANQG (Chương I BLHS) hình phạt này được áp dụng bắt buộc, còn đối với các tội như giết người, hiếp dâm, phóng hoả hoặc các tội khác xâm phạm nghiêm trọng đến trật tự xã hội thì hình phạt này có thể tuỳ nghi áp dụng (Điều 56 BLHS).

Về thời hạn của hình phạt cũng có những quy định khác nhau tuỳ thuộc vào việc hình phạt tước quyền lợi về chính trị được áp dụng độc lập hay là bổ sung và cũng tuỳ thuộc vào loại và mức HPC áp dụng.

Luật quy định thời hạn là từ 1 đến 5 năm nếu hình phạt tước quyền lợi về chính trị được tuyên với tư cách độc lập hoặc với tư cách là HPBS được áp dụng kèm theo hình phạt tù có thời hạn, hoặc phạt giam hình sự; nếu hình phạt này được áp dụng kèm theo quản chế thì thời hạn bằng thời hạn của quản chế (từ 3 tháng đến 3 năm). Tước quyền lợi về chính trị là vĩnh viễn nếu nó được tuyên kèm theo tù chung thân hoặc tử hình. Trong trường hợp chuyển từ tù chung thân sang tù có thời hạn thì thời hạn tước quyền lợi chính trị là từ 3 đến 10 năm (Điều 55 và 57 BLHS).

Thời hạn của hình phạt này được tính từ ngày chấp hành xong hình phạt tù hoặc phạt giam hình sự hoặc từ ngày được tha tù có điều kiện. Nếu hình phạt tước quyền chính trị được tuyên kèm theo HPC là quản chế thì thời hạn của nó được tính từ ngày chấp hành hình phạt quản chế (Điều 55 BLHS).

3.3. Trong hệ thống hình phạt của Nga chỉ có quy định hình phạt tước danh hiệu riêng, danh hiệu quân nhân hoặc danh hiệu vinh dự, hàm cấp và các hình thức khen thưởng của nhà nước. Hình phạt này được áp dụng đối với người bị kết án về tội rất nghiêm trọng hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng (Điều 48 BLHS năm 1996).

3.4. Trong BLHS của Pháp có quy định về hình phạt tước các quyền công dân, dân sự và gia đình tại Điều 131-26 và 131 -29 BLHS.

Trước đây hình phạt này là HPC được áp dụng với các khinh tội, nay nó được quy định là HPBS cho trọng tội và khinh tội trong các quyển từ quyển II đến V của BLHS, đồng thời nó cũng được quy định áp dụng với các tội khác nhất là các tội được quy định trong Luật Bầu cử. Thời hạn tối đa mà người bị kết án bị tước các quyền trên là 10 năm đối với trọng tội và 5 năm đối với khinh tội.

Về nội dung của hình phạt, theo Điều 31-26, Toà án có thể cấm tất cả hoặc một số quyền sau: quyền bầu cử; quyền ứng cử; quyền thực hiện một chức vụ tư pháp hoặc giám định trước một cơ quan xét xử, đại diện hay trợ giúp một bên đương sự trước Toà án; quyền được làm chứng trước cơ quan xét xử trừ trường hợp chỉ đến khai báo thông thường; quyền được làm giám hộ hoặc trợ quản (lệnh cấm này không loại trừ quyền giám hộ hoặc quản tài cho chính con mình, sau khi có sự đồng ý của Thẩm phán phụ trách việc giám hộ và đã hỏi ý kiến của hội đồng gia tộc).

Thời hạn tước các quyền trên của người bị kết án là không quá 10 năm nếu là án phạt về trọng tội và 5 năm đối với án phạt về khinh tội. Việc cấm quyền bầu cử và quyền ứng cử đối với người bị kết án theo điều luật này sẽ dẫn đến hệ quả là cấm hoặc tuyên bố họ không có khả năng giữ một chức vụ công.

Điều 131-29 quy định khi việc cấm sử dụng các quyền hoặc một phần các quyền kể trong Điều 31-26 ... kèm theo hình phạt tước quyền tự do không được hưởng án treo thì việc tước quyền sẽ được áp dụng bắt đầu từ

khi bản án về hình phạt tước tự do có hiệu lực và việc tước quyền tiếp tục được thực hiện theo thời hạn bản án quy định, tính từ ngày việc tước quyền tự do chấm dứt.

3.5. BLHS hiện hành của Bỉ có quy định hình phạt cấm một số quyền chính trị và dân sự đối với người phạm các trọng tội và khinh tội tại Điều 7.

Điều 19 BLHS này quy định tất cả các trường hợp bị phạt tù chung thân (réclusion à perpétuité) đối với các trọng tội thường hoặc đối với các trọng tội chính trị (détention à perpétuité), phạt tù từ 20 năm đến 30 năm đối với trọng tội thường hoặc trọng tội về chính trị đều bị Toà án tuyên tước có tính chất bắt buộc các danh hiệu, cấp bậc, chức vụ, công vụ mà người phạm tội đảm nhiệm.

Toà đại hình có thể tuyên tước các quyền nêu trên của người bị kết án phạt tù từ 5 năm đến 10 năm hoặc từ 10 năm đến 15 năm về tội phạm chính trị.

Điều 31 mục V của chương II về các hình phạt áp dụng đối với trọng tội và khinh tội quy định tất cả các trường hợp bị phạt tù chung thân về trọng tội thường hoặc trọng tội chính trị hoặc bị phạt tù từ 10 năm đến 15 năm hoặc mức phạt cao hơn đều bị Toà án tuyên tước vĩnh viễn: Quyền đảm nhiệm những chức vụ, công vụ hoặc thực hiện những việc làm nhất định; Quyền ứng cử, bầu cử; Quyền mang huân huy chương, các tước hiệu quý tộc; Quyền làm bồi thẩm, người giám định, người làm chứng nhận hoặc bảo chứng trong các văn bản pháp lý; Quyền làm giám hộ, người thế giám hộ, trợ quản cho trẻ em không phải là con mình, cũng như đảm nhận chức năng hỗ trợ tư pháp hoặc hành chính tạm thời; Quyền mang vũ khí, là dân quân hoặc phục vụ trong quân đội.

Toà đại hình có thể tuyên cấm toàn bộ hoặc một phần các quyền trên trong thời hạn từ 10 đến 20 năm hoặc vĩnh viễn với người bị kết án tù từ 5 năm đến 10 năm về trọng tội thường hoặc về tội phạm chính trị (Điều 32).

Trong những trường hợp luật định, đối với người bị kết án về các khinh tội, Toà tiểu hình có thể cấm toàn bộ hoặc một phần việc tiến hành các quyền nêu tại Điều 31 trong thời hạn từ 5 đến 10 năm (Điều 33).

Thời hạn của hình phạt cấm quyền được xác định bởi bản án hoặc quyết định của Toà án, được tính từ ngày người bị kết án chấp hành xong HPC hoặc hết thời hiệu thi hành HPC.

Hình phạt cấm quyền đã tuyên đối với người bị kết án được hưởng án treo toàn bộ hoặc một phần cho việc thực hiện hình phạt của họ bắt đầu từ khi bản án treo có hiệu lực pháp luật (Điều 34).

3.6. Điều 7 chương II BLHS của Luxemburg có quy định hình phạt tước các tước vị, cấp bậc, chức vụ, việc làm, công vụ; cấm một số quyền công dân và chính trị (khoản 4 và 5 Điều 7 BLHS) áp dụng đối với trọng tội.

Điều 11 quy định rằng đối với trường hợp bị phạt tù trên 10 năm về trọng tội Toà án phải tuyên cấm vĩnh viễn các quyền sau: Quyền đảm nhiệm những chức vụ, thực hiện những việc làm hoặc một công vụ; Quyền bầu cử và ứng cử; Quyền đeo huân huy chương; Quyền giám định, làm chứng nhận hoặc bảo chứng trong các văn bản pháp lý; Quyền biểu quyết và bỏ phiếu tại hội đồng gia tộc, đảm nhận việc giám hộ trẻ em không phải là con của người bị kết án và trên cơ sở kiến nghị của Thẩm phán phụ trách việc giám hộ và hội đồng gia tộc (nếu có); Quyền mang và giữ vũ khí; Quyền quản lý trường học, giảng dạy, làm viên chức trong các cơ sở giáo dục.

Toà án có thể tuyên cấm toàn bộ hoặc một phần các quyền nêu trên trong thời hạn từ 10 đến 20 năm hoặc vĩnh viễn với người bị kết án tù từ 5 năm đến 10 năm về trọng tội (Điều 12).

Đối với người bị kết án về các khinh tội, Toà tiểu hình có thể cấm một số quyền công dân và chính trị. Hình phạt này là HPBS hoặc được áp dụng là hình phạt thay thế hình phạt tù cho khinh tội.

Thời hạn của hình phạt cấm quyền, được xác định bởi bản án hoặc quyết định của Toà án, tính từ ngày người bị kết án thụ hình xong hoặc hết thời hiệu thi hành hình phạt.

Hình phạt cấm quyền đã tuyên đối với người bị kết án hưởng án treo toàn bộ hoặc một phần cho việc thực hiện hình phạt của họ bắt đầu từ khi bản án treo có hiệu lực pháp luật.

3.7. Trong BLHS của Algerie hình phạt cấm quyền được quy định là hình phạt phụ, bao gồm hình phạt cấm trị sản pháp định (interdiction légale) và tước một số quyền công dân (dégradation civique), nó là hậu quả đương nhiên của hình phạt đại hình, Toà án không cần phải tuyên đối với người phạm tội (Điều 4).

Cấm trị sản pháp định tước của người bị kết án trong thời gian thi hành HPC, tiến hành các quyền về sản nghiệp; các tài sản của họ được quản lý theo những hình thức được quy định trong những trường hợp cấm quyền tư pháp (Điều 7).

Tước một số quyền công dân gồm có: Tước và loại trừ người bị kết án khỏi tất cả các chức vụ hoặc các công việc tối cao của Đảng và Nhà nước, cũng như tất cả các công việc liên quan tới tội phạm; Tước quyền là cử tri hoặc được bầu và nói chung là tất cả các quyền công dân và chính trị và quyền đeo huân, huy chương; Tuyên bố không đủ khả năng làm bồi thẩm, làm giám định, làm chứng trong tất cả các văn thư và trước Toà án, trừ lời khai của họ chỉ có giá trị chỉ dẫn; Tuyên bố không có khả năng làm người giám hộ, người thế giám hộ cho trẻ em không phải là con mình; Tước quyền mang vũ khí, quản lý trường học hoặc là làm viên chức trong các cơ sở giáo dục với tư cách là giáo sư, giáo viên hoặc giám thị.

Đối với trường hợp HPC là hình phạt tiểu hình được tuyên đối với người phạm tội thì Toà án có thể, trong những trường hợp luật quy định, cấm người bị kết án tiến hành một hoặc nhiều quyền được quy định tại Điều 8 đã nêu trên trong thời hạn không quá 5 năm (Điều 14).

Tóm lại:

Nghiên cứu LHS một số nước nêu trên có thể rút ra một số nhận xét sau:

1) Hầu hết LHS các nước đều thiết lập chế định tước một số quyền công dân. Tuy nhiên, về bản chất của nó mỗi nước đều có quy định riêng, không giống nhau, có nước quy định là hình phạt lưỡng tính (vừa là HPC vừa là HPBS) như Trung Quốc, có nước quy định là hình phạt phụ hoặc là HPBS như Algerie hoặc thậm chí chỉ quy định nó với tư cách là hậu quả phụ như trong LHS của Đức.

2) LHS các nước quy định các quyền công dân bị tước về cơ bản là nhiều hơn và rộng hơn so với quy định trong LHS nước ta. LHS có nước lại quy định nội dung của hình phạt này bao trùm cả sang hình phạt cấm đảm nhiệm chức vụ, làm những nghề hoặc công việc nhất định.

3) Trong LHS các nước, hình phạt này được quy định áp dụng có tính chất bắt buộc hoặc tuỳ nghi không chỉ đối với các tội phạm chính trị mà còn đối với nhiều loại thường phạm khác nữa.

4) So với LHS nước ta, nhìn chung LHS các nước đều xác định thời hạn áp dụng hình phạt này là dài hơn và có sự phân hoá cao khi quy định áp dụng đối với từng loại tội phạm, thậm chí LHS nhiều nước quy định áp dụng vĩnh viễn hình phạt này đối với những trường hợp phạm trọng tội hoặc bị phạt tù với mức án cao.

Những kinh nghiệm lập pháp quy định về hình phạt đang nghiên cứu là những bài học rất tốt để các nhà lập pháp nước ta xem xét tiếp tục hoàn thiện chế định này trong LHS.

4. Tình hình áp dụng hình phạt tịch thu tài sản của Toà án nhân dân ở một số địa phương

- Theo thống kê tình hình áp dụng HPBS nói chung và hình phạt tịch thu tài sản nói riêng ở TAND thành phố Hải Phòng từ năm 1995 đến năm 2004 cho biết: Toà án này đã thụ lý 5318 vụ án, với tổng số bị cáo là 8713. Số vụ án có áp dụng HPBS là 1095 vụ chiếm tỷ lệ xấp xỉ 20.6%, tổng số bị cáo bị áp dụng HPBS là 1360 bị cáo chiếm tỷ lệ xấp xỉ 15.6% tổng số bị cáo bị Toà án xét xử. Có 05 loại HPBS được áp dụng là quản chế, phạt tiền, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề

hoặc làm công việc nhất định; tước một số quyền công dân, trục xuất. Trong đó, loại hình phạt được áp dụng nhiều nhất là phạt tiền với 870 lượt và quản chế với 584 lượt.

- Tại Bắc Ninh trong 5 năm (từ năm 2000 đến năm 2004) Toà án tỉnh đã xét xử 569 vụ với 831 bị cáo. Có 221 lượt HPBS các loại được áp dụng, đạt tỷ lệ 26.6%. Năm áp dụng HPBS ít nhất là năm 2003 (11 lượt với 165 bị cáo, đạt 6.7%) và năm áp dụng HPBS nhiều nhất là năm 2000 (101 lượt với 184 bị cáo, đạt 54.9%). Số liệu thống kê cho thấy chỉ có 4 HPBS được áp dụng, trong đó phổ biến vẫn là phạt tiền và quản chế, còn cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định và tịch thu tài sản được áp dụng rất ít, cụ thể là: phạt tiền được áp dụng 136 lượt, quản chế 73 lượt, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định 07 lượt và tịch thu tài sản 5 lượt. HPBS tập trung chủ yếu vào các tội phạm về ma tuý, mại dâm, tham ô tài sản...

- TAND tỉnh Đắc Lắc từ năm 1995 đến 9 tháng đầu năm 2004 đã thụ lý 3463 vụ án, với tổng số bị cáo là 5276. Số bị cáo bị áp dụng HPBS là 628. Trong đó hình phạt được áp dụng nhiều nhất là quản chế 285 lượt, phạt tiền 268 lượt, cấm cư trú 75 lượt, còn hình phạt khác chỉ áp dụng rất ít. Riêng hình phạt tước một số quyền công dân chỉ có khoảng 2-3 lượt bị cáo bị áp dụng trong 01 năm.

- Tại Ninh Bình, từ năm 1998 đến 2003 Toà án tỉnh đã xét xử 709 vụ án với 1480 bị cáo trong đó có 508 lượt bị cáo bị áp dụng HPBS. Số bị cáo bị áp dụng hình phạt đang nghiên cứu cũng rất ít và chủ yếu là đối với các tội tham ô tài sản, lạm dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản...

- Còn ở Cao Bằng kết quả thống kê hoạt động xét xử từ năm 1995 đến 2004 cho thấy TAND tỉnh đã thụ lý 1368 vụ án với 2118 bị cáo. Có 731 lượt HPBS các loại được áp dụng. Năm áp dụng HPBS ít nhất là năm 1995 (13 lượt) và năm áp dụng HPBS nhiều nhất là năm 1999 (200 lượt). Số liệu thống kê cho thấy chỉ có 6 HPBS được áp dụng, cụ thể là: phạt tiền được áp dụng 644 lượt; quản chế 151 lượt; cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định 42 lượt; cấm cư trú 04 lượt; tịch thu tài sản 4 lượt và tước một số quyền công dân 03 lượt.

- Thống kê tình hình xét xử hình sự của TAND tỉnh Thanh Hoá từ năm 2000 đến 2005 cho biết số vụ án đã xét xử là 2863 vụ với tổng số bị cáo là 5121. Trong đó, số vụ án có áp dụng HPBS là 748 vụ chiếm khoảng 26% tổng số vụ án TAND tỉnh Thanh Hoá đưa ra xét xử và có 927 bị cáo bị áp dụng HPBS, chiếm 18,1% tổng số bị cáo TAND tỉnh Thanh Hoá. Năm 2005 tỷ lệ vụ án có áp dụng HPBS là khoảng 21,5% và tỷ lệ số bị cáo bị áp dụng HPBS là 24%. Đây là năm có số bị cáo bị áp dụng HPBS nhiều nhất. Chỉ có 3 loại HPBS được áp dụng, đó là cấm đảm nhiệm chức vụ, làm những nghề hoặc làm công việc nhất định; quản chế; phạt tiền khi không áp dụng là HPC. Còn các HPBS khác, trong đó có tịch thu tài sản không được Toà án này áp dụng. Loại HPBS được áp dụng nhiều nhất là phạt tiền 819 lượt, quản chế 110 lượt.

- Tại TAND thành phố Hà Nội, thống kê xét xử từ năm 1995 đến 2003 có tổng số 8810 bị cáo bị áp dụng HPBS, trong đó có 4833 lượt bị cáo bị phạt tiền; 4698 lượt bị cáo bị phạt quản chế; 324 lượt bị cáo bị tịch thu tài sản; 143 lượt bị cáo bị cấm đảm nhiệm chức vụ, làm những nghề hoặc làm công việc nhất định; 20 bị cáo bị cấm cư trú; 3 lượt bị cáo bị tước một số quyền công dân; 01 lượt bị cáo bị trục xuất.

Như vậy, về HPBS, so sánh cho thấy TAND thành phố Hà Nội cũng như các Toà án khác phổ biến vẫn là áp dụng hình phạt tiền và quản chế. Còn đối với hình phạt tước một số quyền công dân TAND thành phố Hà Nội áp dụng rất ít, cũng tương tự như các Toà án khác.

5. Nhận xét và kiến nghị

Như chúng ta biết, HPBS có tác dụng rất lớn góp phần phục hồi lại công lý, sự công bằng xã hội, cải tạo giáo dục và đặc biệt là loại bỏ những điều kiện xã hội thuận lợi cho việc tái phạm tội của người bị kết án cùng với tác dụng không nhỏ trong công tác phòng ngừa

chung đối với các cá nhân không vững vàng trong xã hội. Nhưng trong thực tiễn áp dụng HPBS, do thói quen coi nhẹ vai trò của HPBS, chỉ quan tâm đến việc quyết định HPC của Hội đồng xét xử nên việc áp dụng các HPBS chưa được quan tâm đúng mức. Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân thường chỉ áp dụng các HPBS khi điều luật về tội phạm có quy định việc áp dụng các HPBS là chế tài bắt buộc.

Việc áp dụng HPBS của TAND các cấp trong những năm qua còn ít cũng có nguyên do từ các quy định của BLHS liên quan tới HPBS. Ngay đối với hình phạt tước một số quyền công dân mà tác giả nghiên cứu cho thấy có những bất cập, hạn chế về lập pháp như sau:

1) Điều 39 BLHS quy định hình phạt tước một số quyền công dân được áp dụng với công dân Việt Nam bị kết án phạt tù về tội xâm phạm ANQG hoặc tội phạm khác trong những trường hợp do BLHS quy định. Thế nhưng trong Phần các tội phạm BLHS chỉ có quy định HPBS này đối với các tội xâm phạm ANQG, còn không có quy định cho các tội phạm khác.

2) Nội dung các quyền công dân bị tước được quy định là rất hẹp, chỉ có quyền ứng cử, quyền bầu cử đại biểu cơ quan quyền lực nhà nước, quyền làm việc trong các cơ quan nhà nước và quyền phục vụ trong lực lượng vũ trang, trong khi có những quyền khác như quyền công dân, dân sự, gia đình, nếu không tước của người phạm tội trong những trường hợp nhất định sẽ gây nguy hại cho lợi ích không chỉ của nhà nước, xã hội mà còn cho quyền và lợi ích của công dân nữa.

3) Điều 39 BLHS quy định: "Công dân Việt Nam bị kết án phạt tù về tội xâm phạm ANQG hoặc tội phạm khác trong những trường hợp do Bộ luật này quy định, *thì bị tước* một hoặc một số quyền sau đây:...". Theo cách quy định này có thể hiểu rằng đối với những trường hợp phạm tội mà bị phạt tù thì đương nhiên bị áp dụng loại hình phạt này chứ TAND không được phép tuỳ nghi áp dụng. Thế nhưng Điều 92 lại quy định tuỳ nghi áp dụng loại hình phạt này đối với các tội phạm xâm phạm ANQG. Như vậy là đã có sự mâu thuẫn trong quy định của BLHS liên quan tới HPBS này.

4) Thời hạn của hình phạt tước quyền công dân quy định từ 1 năm đến 5 năm nói chung còn ngắn, không thể hiện được nguyên tắc phân hoá, cá thể hoá hình phạt này đối với những tội phạm khác nhau.

5) Các HPBS, trong đó có hình phạt tước một số quyền công dân quy định trong cùng một Điều 92 áp dụng chung đối với tất cả các tội xâm phạm ANQG thể hiện xu hướng đơn giản hoá. Tuy nhiên nó lại thiếu tính hợp lý trong cấu trúc của Phần các tội phạm BLHS, thể hiện ở chỗ điều luật quy định riêng về hình phạt lại cơ cấu cùng với các quy phạm quy định về tội phạm cụ thể, đồng thời việc HPBS được quy định chung cho cả nhóm tội phạm sẽ rất khó cho việc phân hoá, cá thể hoá TNHS và cũng không thuận tiện cho việc áp dụng của Toà án nhân dân các cấp.

Để nâng cao hiệu quả của HPBS nói chung và hình phạt tước một số quyền công dân nói riêng xin đưa ra một số kiến nghị sau:

Thứ nhất là: về hình phạt tước một số quyền công dân quy định tại Điều 39 BLHS nên sửa đổi theo hướng mở rộng nội dung, phạm vi và thời hạn áp dụng loại hình phạt này như sau:

1. Công dân Việt Nam bị kết án phạt tù có thời hạn về các tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc những tội phạm khác do cố ý và chỉ trong những trường hợp Bộ luật này quy định, thì bị tước hoặc có thể bị tước một hoặc một số quyền công dân sau đây:

a) Quyền ứng cử, quyền bầu cử đại biểu cơ quan quyền lực nhà nước;

b) Quyền làm việc trong cơ quan nhà nước và quyền phục vụ trong lực lượng vũ trang;

2. Thời hạn tước một số quyền công dân là từ 1 năm đến 10 năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù hoặc kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật trong trường hợp người bị kết án tù được hưởng án treo.

Thứ hai là: khoản 5 Điều 57 cần quy định: *"người bị phạt cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc công việc nhất định, cấm cư trú, quản chế, hoặc tước một số quyền công dân nếu đã chấp hành được một phần hai thời hạn hình phạt và cải tạo tốt thì theo đề nghị của cơ quan thi hành án, Toà án có thể quyết định miễn chấp hành phần hình phạt còn lại"*.

Thứ ba là: nên bỏ Điều 92 và thay vào đó nhà làm luật cần quy định những HPBS cụ thể, trong đó có hình phạt tước quyền công dân đối với từng loại tội phạm xâm phạm ANQG ở chương XI BLHS. Đồng thời xem xét quy định cụ thể loại hình phạt này đối với một số tội phạm ở các chương khác trong Phần các tội phạm BLHS. Theo chúng tôi đối với những tội phạm mà điều luật về tội phạm đó có quy định hình phạt quản chế, cấm cư trú thì nên quy định cả hình phạt này để TAND lựa chọn.

Thứ tư là: nhà làm luật không nên quy định hình phạt này (và cả đối với các loại HPBS khác) ở khoản cuối cùng của điều luật về tội phạm một cách chung chung như hiện nay, vì như vậy có những cách hiểu khác nhau hoặc là hiểu HPBS đó chỉ được áp dụng đối với tội phạm ở khung tăng nặng nhất hoặc hiểu là được áp dụng đối với mọi trường hợp phạm tội cụ thể, dù ở khung cơ bản hoặc khung tăng nặng nhất. Thông thường người ta hiểu là nó được quy định áp dụng cho tất cả các khung hình phạt trong điều luật về tội phạm ấy. Nếu như vậy thì rõ ràng nhà làm luật đã chưa có sự phân hoá và cá thể hoá đối với từng trường hợp phạm tội cụ thể, dẫn đến trong thực tiễn áp dụng sẽ có sự không thống nhất, không công bằng. Nên chăng, ví dụ như đối với tội cướp tài sản tại khoản 5 Điều 133 BLHS quy định theo cách: *"Người phạm tội theo khoản 1 và 2 của điều luật này sẽ bị tước quyền công dân từ 1 đến 5 năm. Trong trường hợp phạm tội theo khoản 3 và 4 sẽ bị tước quyền công dân từ 5 đến 10 năm"*. Hay như đối với khoản 3 Điều 88 về tội tuyên truyền chống nhà nước CHXHCN Việt Nam quy định như sau: *"Người phạm tội bị tước quyền công dân từ 1 đến 5 năm, phạm tội theo khoản 2 sẽ bị tước quyền công dân từ 5 đến 10 năm"*.

Để tăng cường và nâng cao hiệu quả việc áp dụng HPBS này đòi hỏi toà án các cấp cần tạo điều kiện cần thiết để nâng cao năng lực và trình độ pháp luật của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, nâng cao sự nhận thức đúng đắn của họ về bản chất, vai trò, ý nghĩa của HPBS này trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm và hơn nữa, TANDTC cần thiết phải có những văn bản hướng dẫn cụ thể để việc áp dụng HPBS nói chung và hình phạt tước quyền công dân nói riêng được thống nhất trong toàn ngành Toà án.

Các Toà án khi quyết định hình phạt cần phải tuân thủ các quy định của pháp luật cũng như các căn cứ quyết định hình phạt luật định, đặc biệt cần lưu ý kiểm tra đánh giá xem việc tước quyền công dân là có cần thiết không dưới góc độ lợi ích của Nhà nước và xã hội. Việc áp dụng được coi là cần thiết, nếu hình phạt này có tác dụng ngăn chặn người bị kết án tiếp tục thực hiện tội phạm mới và mục đích giáo dục và tự giáo dục đối với người bị kết án được thúc đẩy.

Khi áp dụng hình phạt này đối với người bị kết án về những tội mà điều luật về tội phạm có quy định hình phạt này (bao gồm cả dạng bắt buộc và tuỳ nghi) Hội đồng xét xử cần phải tuyên rõ ràng và cụ thể trong bản án là tước quyền công dân gì và thời hạn là bao nhiêu. Không nên tuyên tước quyền công dân một cách chung chung, vì tuyên phạt như vậy đối với người phạm tội là trái với nguyên tắc cá thể hoá hình phạt và không đảm bảo hiệu quả của hình phạt khi thi hành trong thực tiễn.

Trên đây là kết quả nghiên cứu về hình phạt tước một số quyền công dân trong PLHS hiện hành của nước ta. Với những kiến nghị nêu trên tác giả mong muốn góp phần vào việc tiếp tục hoàn thiện chế định hình phạt tước quyền công dân nói riêng và HPBS nói chung trong BLHS để cho các hình phạt này đạt được hiệu quả cao trong thực tiễn áp dụng.